TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ TỈNH HÀ TĨNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2024
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Nữ Ngọc Oanh

Ông Phan Tùng Long

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thuỷ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc "*Ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh ngày: 26/31992, nơi thường trú: Thôn Í, xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày: 26/5/1992, nơi thường trú: Thôn Í, xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết C các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương, chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B đã đăng ký kết hôn ngày 10/01/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo đăng ký số: 05/2012. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc tại thôn Í, xã Í, huyện L.

Năm 2016, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày: 23/12/2013 và Nguyễn Nhật T1, sinh ngày: 07/11/2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn B không hợp tác làm việc, không trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Đặng Thị T khởi kiện. Toà án đã tiến hành xác minh địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn, tình trạng hôn nhân và các vấn đề liên quan. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Í, huyện L cho thấy anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 26/5/1992 hiện đăng ký thường trú tại thôn Í, xã Í, huyện L, có vợ là chị Đặng Thị Tuyết . Anh B và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Í, huyện L và có 02 con chung, tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh B đi đâu, làm gì thì địa phương không biết, không nắm bắt được thông tin. Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, tuyên xử chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B ly hôn; về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Gia B1, sinh ngày: 23/12/2013 và Nguyễn Nhật T1, sinh ngày: 07/11/2014 cho chị Đặng Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét. Về án phí, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn – anh Nguyễn Văn B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Í, xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, chị Đặng Thị T2 yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Do đó, Toà án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Đặng Thị T có văn bản đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án ban hành Thông báo về vụ án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.4] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ; thu thập, xác minh, tài liệu chứng cứ và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 95, 96, 98, khoản 2, khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn B không có mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành xác minh địa chỉ thường trú, niêm yết văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn B không hợp tác làm việc cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến. Theo Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử của Toà án nhân dân tối cao số 02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại khoản 9 Mục IV thì anh Nguyễn Văn B được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.6] Anh Nguyễn Văn B đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên toà hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; phiên tòa được mở lần hai. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B hôn nhân tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 25/3/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Theo trình bày của chị Đặng Thị T, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng sống chung và trở nên trầm trọng từ năm 2016. Hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi do không tin tưởng, bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Anh B đã sinh sống ở nơi khác, không quan tâm đến vợ con. Chị T khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.1.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ… nhưng hôn nhân của chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.1.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: *" Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng".*

[2.1.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51*); *"Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* (khoản 1 Điều 56).

[2.1.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết N quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày: 23/12/2013 và Nguyễn Nhật T1, sinh ngày: 07/11/2014. Chị Đặng Thị T yêu cầu Toà án giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho chị. Cháu Nguyễn Gia B1, cháu Nguyễn Nhật T1 có đơn trình bày nguyện vọng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc anh B không hợp tác làm việc cũng không trình bày ý kiến là tự từ bỏ quyền, lợi ích cũng như nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Mặt khác, từ nhỏ đến nay, các con chung được chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, môi trường sống cho các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung cho chị Đặng Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đặng Thị T không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 39, khoản 3 Điều 136 Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn B ly hôn.

2. Về con chung: Giao quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Nguyễn Gia B1, sinh ngày: 23/12/2013 và Nguyễn Nhật T1, sinh ngày: 07/11/2014 cho chị Đặng Thị T đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đặng Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai số 0006911 ngày 04/11/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- UBND xã Ích Hậu;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Nữ Ngọc Diệp